

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày 11-5-2022

“Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hợp và bà Nông Thị Giới;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Chị Ngô Thị H, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3 ấp TK, xã TL, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, chị bán cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H một chiếc xe Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 93F1-466.04, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy mang tên Lê Thị T, số tiền 20.000.000 đồng. Theo thỏa thuận bằng lời nói, chị cho anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H trả góp trong thời gian 10 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H trả cho chị số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 14 tháng 7 năm 2021 anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H trả cho chị số tiền 2.000.000 đồng. Từ ngày 14 tháng 8 năm 2021 đến nay, chị nhiều lần yêu cầu Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H trả tiếp số tiền còn thiếu theo thỏa thuận thì anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H không chịu trả, cứ hẹn lần này đến lần khác.

Do vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán xe. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H phải trả số tiền 16.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán xe ngày 23 tháng 3 năm 2021, không yêu cầu lãi suất.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2021, chồng chị tên Nguyễn Văn T đến nhà chị Lê Thị T để nhờ mua dùm cho chiếc xe máy cũ để cho con gái đi làm thì chị Lê Thị T nói chị Lê Thị T còn chiếc xe Honda Wave màu xanh đen bạc (chị không nhớ rõ biển số) không dùng đến, để lại cho chồng chị với giá 20.000.000 đồng. Hoàn cảnh gia đình chị rất khó khăn nên không có khả năng trả hết một lần nên thương lượng với chị Lê Thị T xin trả góp mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng. Vì gia đình chị và gia đình chị Lê Thị T có quan hệ họ hàng nên chị Lê Thị T đồng ý cho trả góp 2.000.000 đồng/tháng, yêu cầu trả trước 2.000.000 đồng vào ngày 17 tháng 3 năm 2021 và chồng chị được đem xe về.

Ngày 17 tháng 4 năm 2021 chồng chị trả cho chị Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 17 tháng 5 năm 2021 chồng chị trả cho chị Lê Thị T số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng anh Nguyễn Văn T đã trả cho chị Lê Thị T 6.000.000 đồng. Vì là người có quan hệ họ hàng nên mỗi lần đóng tiền trả góp xe cho chị Lê Thị T đều không có ký giấy tờ. Đến tháng 6 năm 2021 vì làm ăn thất bại thua lỗ nên anh Nguyễn Văn T đã bỏ đi, đến nay vẫn không liên lạc được. Tuy anh Nguyễn Văn T không còn ở đây nhưng chị vẫn trả tiền cho chị Lê Thị T, không trốn tránh việc trả góp xe.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, con gái chị đã trả thêm số tiền 2.000.000 đồng cho chị Lê Thị T. Ngày 18 tháng 7 năm 2021 chị trả thêm số tiền 2.000.000 đồng cho chị Lê Thị T. Đến tháng 8 năm 2021 do dịch bệnh Covid 19 nên chợ thường xuyên bị

cầm buôn bán, hai con làm công nhân cũng bị thất nghiệp, không có việc làm nên trả tiền góp xe bị trễ đã vài tháng.

Tổng cộng vợ chồng chị đã trả cho chị Lê Thị T số tiền 10.000.000 đồng. Trong thời gian chị không có tiền góp, chị Lê Thị T xuống nhà chị chửi bới rất nhiều lần. Chị có thương lượng với chị Lê Thị T đến năm 2022 chị sẽ cố gắng trả dần 10.000.000 đồng còn lại nhưng chị Lê Thị T không chấp nhận. Ngày 13 tháng 01 năm 2022, chị nhận được thông báo của Tòa án về việc chị Lê Thị T khởi kiện vợ chồng chị yêu cầu trả số tiền 16.000.000 đồng là sai sự thật, vì gia đình chị đã trả được số tiền 10.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Kh trình bày:

Anh là chồng chị Lê Thị T. Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị T, đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H trả cho vợ chồng anh số tiền 16.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán xe máy. Anh xác định chiếc xe mô tô biển số 93F1-466.04 là tài sản chung của anh và chị Lê Thị T trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H trả số tiền 16.000.000 đồng cho vợ chồng anh.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn T không văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị T yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H trả một lần số tiền 16.000.000 đồng, nếu vì hoàn cảnh khó khăn không có tiền trả một lần thì yêu cầu chị Ngô Thị H trả số tiền 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Chị Ngô Thị H trình bày, do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả tiền cho chị Lê Thị T một lần, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T không chấp hành quy định pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T, buộc anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H trả số tiền 16.000.000 đồng cho chị Lê Thị T, anh Nguyễn Văn Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày, kết quả tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H cư trú tại địa chỉ tổ 3 ấp TK, xã TL, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H trả số tiền 16.000.000 đồng từ việc anh Nguyễn Văn T mua chiếc xe mô tô biển số 93F1-466.04 của chị Lê Thị T, nhưng anh Nguyễn Văn T không trả tiền theo thỏa thuận. Chị Ngô Thị H thừa nhận chồng chị tên Nguyễn Văn T có đến nhờ chị Lê Thị T mua dùm cho chiếc xe máy cũ thì chị Lê Thị T nói chị Lê Thị T còn chiếc xe Honda Wave màu xanh đen bạc không dùng đến, bán lại cho anh Nguyễn Văn T giá 20.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Văn T được. Tuy Tòa án không ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Văn T được nhưng việc anh Nguyễn Văn T mua chiếc xe mô tô biển số 93F1-466.04 của chị Lê Thị T được chị Ngô Thị H (vợ anh Nguyễn Văn T) thừa nhận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Chị Lê Thị T xác định anh Nguyễn Văn T đã trả được số tiền 4.000.000 đồng mua xe, còn nợ số tiền 16.000.000 đồng. Chị Ngô Thị H xác định anh Nguyễn Văn T đã trả cho chị Lê Thị T tổng số tiền 6.000.000 đồng (vào các ngày 17 tháng 3, ngày 17 tháng 4, ngày 17 tháng 5 năm 2021) và khi trả tiền thì không có ký nhận vì có quan hệ họ hàng. Ngày 10 tháng 6 và ngày 18 tháng 7 năm 2021, con gái chị đã trả cho chị Lê Thị T số tiền 4.000.000 đồng và có ký tên vào sổ nợ tiền góp xe, tổng cộng đã trả được 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 10.000.000 đồng, không phải số tiền 16.000.000 đồng như chị Lê Thị T trình bày. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ

án, chị Ngô Thị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về số tiền 6.000.000 đồng do anh Nguyễn Văn T đã trả cho chị Lê Thị T. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định, anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H mua chiếc xe mô tô biển số 93F1-466.04 của chị Lê Thị T giá 20.000.000 đồng nhưng chỉ trả được số tiền 4.000.000 đồng, hiện đang còn nợ số tiền 16.000.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H phải trả cho chị Lê Thị T số tiền 16.000.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của chị Lê Thị T yêu cầu chị anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H trả một lần số tiền 16.000.000 đồng hoặc trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị Ngô Thị H đề nghị trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy ý kiến của chị Lê Thị T, chị Ngô Thị H không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án vì Tòa án không ấn định thời hạn và phương thức trả tiền, trong quá trình thi hành án các bên có quyền thoả thuận với nhau về thời hạn, phương thức thanh toán.

[4] Tại phiên tòa, nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H phải trả cho chị Lê Thị T, anh Nguyễn Văn Kh số tiền 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho chị Lê Thị T số tiền 400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002615 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị H phải chịu 800.000 (Tám trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND, Chi cục THADS thị xã;
- Lưu HSVA;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến